

*Dự thảo tài liệu:*

# **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**

**(Lưu hành nội bộ)**

**Tháng 03/2011**



**MỤC LỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**

1. Báo cáo tư cách và tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội
2. Tờ trình Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu
3. Chương trình và nội dung Đại hội.
4. Báo cáo đánh giá công tác quản lý và kết quả kinh doanh 2010 và phương hướng hoạt động năm 2011.
5. Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định kết quả hoạt động năm 2010.
6. Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán.
7. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2010.
8. Tờ trình phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2011.
9. Tờ trình trích quỹ thưởng Ban quản trị điều hành năm 2011..
10. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2011.
11. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty niêm yết.

Số : ...../TT.BKS

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2011.

## **BÁO CÁO**

V/v Thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011  
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa.

Căn cứ danh sách cổ đông sở hữu cổ phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa chốt tại thời điểm 16h ngày 25/12/2009.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội về số lượng cổ đông và đại diện ủy quyền hợp lệ, đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín nghĩa như sau:

**1. Số cổ đông có quyền tham dự Đại hội:**

TT	Diễn giải	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>415</b>	<b>13,880,415</b>	<b>80.07%</b>
-	Tổ chức	10	11,751,807	67.79%
-	Cá nhân	405	2,128,608	12.28%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>15</b>	<b>3,455,017</b>	<b>19.93%</b>
-	Tổ chức	9	3,421,017	19.73%
-	Cá nhân	6	34,000	0.20%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>430</b>	<b>17,335,432</b>	<b>100%</b>

**2. Số cổ đông có mặt tại Đại hội:**

- Số cổ đông: .... /430 người - Đại diện số cổ phần: ..... /17.335.432 cổ phần - Đạt tỷ lệ: %.

Xin tuyên bố Đại hội đủ điều kiện để tiến hành theo quy định.

**TM. BAN KIỂM SÓAT**

Biên Hòa, ngày 26 tháng 03 năm 2011.

## **TỜ TRÌNH**

V/v Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011

Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa.

Ban Tổ chức xin báo cáo dự kiến giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, và Ban Kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 - Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa như sau:

- Đoàn Chủ tịch:
  1. Ông: Cao Ngọc Đức - Chủ tịch HĐQT.
  2. Ông: Trần Hoài Phương - Thành viên HĐQT.
  3. Ông: Lê Hữu Đức. - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Cty.
- Ban Thư ký:
  1. Ông: Đỗ Hoài Thu - Phó giám đốc Công ty.
  2. Bà: Dương Thị Minh Hồng- Thành viên Ban Kiểm soát.
- Ban Kiểm phiếu:
  1. Bà: Đỗ Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty.
  2. Ông: Nguyễn Bá Văn - Trưởng phòng Đầu tư Kinh Doanh Cty.
  3. Ông: Huỳnh Quốc Cường - Phó phòng Môi trường Công ty.

Ban Tổ chức, đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và biểu quyết cả về số lượng và danh sách.

**BAN TỔ CHỨC**

Số : ... ../BC.CT

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2011.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN TÍN NGHĨA**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>Đón khách</b>	<b>7h30- 8h30</b>
1	Chào mời, đón khách, hướng dẫn đại biểu, phát tài liệu, giải quyết thắc mắc. Ổn định chỗ ngồi.	Ban Tổ chức
2	Tập hợp báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự .	Ban Kiểm soát
<b>II</b>	<b>Khai mạc Đại hội &amp; Nội dung nghị sự chính của Đại hội</b>	<b>9h00</b>
1	Tuyên bố lý do và khai mạc Đại hội	A. Liễu
2	Báo cáo kiểm tra tư cách, tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội	C. Dung
3	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu	A. Liễu
4	ĐH biểu quyết thông qua Chương trình và nội dung Đại hội.	A. Cao Đức
5	Báo cáo đánh giá công tác quản lý và kết quả kinh doanh 2010 và Phương hướng hoạt động năm 2011.	A. Hữu Đức
6	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2010.	C. Dung
7	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán.	A. Phương
8	Tờ trình phân phối lợi nhuận 2010.	A. Cao Đức
9	Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2011.	A. Hữu Đức
10	Tờ trình trích quỹ thưởng Ban quản trị điều hành năm 2011	A. Phương
11	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2011.	C. Dung
12	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty niêm yết.	A. Phương
<b>III</b>	<b>Bế mạc Đại hội</b>	<b>11h30</b>
1	Thông qua Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011.	Thư ký
2	Tổng kết và Bế mạc Đại hội.	A. Cao Đức

Biên Hòa, ngày 26 tháng 03 năm 2011.

Số : 100 /BC.CT

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2010  
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2011  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TÍN  
NGHĨA**

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2010.**

**1. Tình hình chung.**

Năm 2010 là do ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, và những diễn biến kinh tế phức tạp, tài chính bị thắt chặt, lạm phát kéo dài, là một năm khó khăn cho Công ty, nhưng do có những dự báo và sự định hướng của Hội đồng quản trị, và những nỗ lực của Ban giám đốc cùng toàn thể CB.CNV đơn vị đã cố gắng triển khai thực hiện tốt các mục tiêu đề ra.

Qua đánh giá, tình hình hoạt động của đơn vị đã phản ánh các chỉ tiêu và kết quả cụ thể:

- Doanh số thực hiện năm 2010 đạt 93,2 tỷ đồng bằng 90,2% kế hoạch tăng hơn cùng kỳ 16,9%. Lợi nhuận trước thuế đạt 42,3 tỷ đồng bằng 103,6% kế hoạch và vượt 20,5% số cùng kỳ. Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 18,2%, tương đương 1.820 đồng.

- Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã thực hiện và phát huy được chức năng, nhiệm vụ đúng quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã ban hành.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ và thực hiện khép kín các dịch vụ cung cấp trong khu công nghiệp.

- Thực hiện đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong KCN, nâng cấp xây dựng tiếp Trạm xử lý nước thải giai đoạn 2, đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của KCN.

- Duy trì thực hiện và thường xuyên cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và môi trường được tổ chức chứng nhận TUV đánh giá, cấp chứng nhận đạt theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004.

- Kiểm soát, theo dõi chặt chẽ các khoản chi phí, xây dựng định mức hóa chất xử lý nước thải, thường xuyên theo dõi đơn đốc các khoản nợ không để tồn đọng nợ khó đòi.

- Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2009 cho các cổ đông.

- củng cố, đẩy mạnh lĩnh vực đầu tư tài chính, nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi.

- Lập thủ tục pháp lý, xúc tiến đầu tư vào các dự án trên địa bàn huyện Long Thành như: Cụm công nghiệp Tam Phước 1, Cụm công nghiệp Bình Sơn, Khu dân cư Bàu Cạn 9,6 ha.

- Kiện toàn cơ cấu, tổ chức, luân chuyển nhân sự cho phù hợp với các mảng công tác của Công ty nhằm đạt hiệu quả tốt trong công việc.

## 2. Các chỉ tiêu cơ bản :

### \* Kết quả kinh doanh năm 2010.

Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	TH năm 2009	Thực hiện 2010	2010 so với		Ghi chú
				2009	KH	
<b>1 Tổng doanh thu</b>	<b>103,414,750,590</b>	<b>79,758,061,971</b>	<b>93,235,449,862</b>	<b>116.9%</b>	<b>90.2%</b>	
* Doanh thu thuần	86,914,750,590	50,948,065,771	74,049,614,476	145.3%	85.2%	
* Doanh thu tài chính	12,000,000,000	27,577,076,834	18,414,640,353	66.8%	153.5%	
* Thu nhập khác	4,500,000,000	1,232,919,366	771,195,033	62.6%	17.1%	
<b>2 Tổng chi phí</b>	<b>62,625,897,193</b>	<b>44,608,774,055</b>	<b>50,878,763,086</b>	<b>114.1%</b>	<b>81.2%</b>	
* Giá vốn hàng bán	47,967,005,645	29,481,456,069	35,826,516,776	121.5%	74.7%	
* Chi phí tài chính	4,180,133,733	5,135,978,624	3,622,609,295	70.5%	86.7%	
* Chi phí quản lý	9,818,757,815	9,556,339,362	10,726,461,695	112.2%	109.2%	
* Chi phí khác	660,000,000	435,000,000	703,175,320	161.6%	106.5%	
<b>3 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>40,788,853,397</b>	<b>35,149,287,916</b>	<b>42,356,686,776</b>	<b>120.5%</b>	<b>103.8%</b>	
<b>4 Thuế TNDN</b>	<b>10,197,213,349</b>	<b>6,214,685,385</b>	<b>10,734,965,524</b>		<b>105.3%</b>	
<b>5 Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>30,591,640,048</b>	<b>28,934,602,531</b>	<b>31,621,721,252</b>	<b>109.3%</b>	<b>103.4%</b>	
<b>6 Chỉ tiêu tài chính</b>						
- LN sau thuế / D.thu	29.58%	36.28%	33.92%	114.7%	93.5%	
- LN sau thuế/ Vốn CS	9.4%	8.9%	9.7%	103.4%	109.3%	
<b>8 Tổng số lao động</b>	<b>76</b>	<b>65</b>	<b>70</b>	<b>107.7%</b>	<b>92.1%</b>	
<b>9 Thu nhập BQ</b>	<b>5,286,000</b>	<b>4,850,000</b>	<b>6,050,000</b>	<b>124.7%</b>	<b>114.5%</b>	

### \* Doanh thu, sản lượng thực hiện năm 2010 :

Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	TH năm 2009	Thực hiện năm 2010	So sánh 2010		Ty trọng
				Cùng kỳ	KH	
<b>1 Sản lượng thực hiện</b>						
- Khu cơ xa CN	1,299	1,317	1,292	98.1%	99.5%	
- Cấp nước sạch (m3)	1,800,000	1,382,282	1,712,029	123.9%	95.1%	
- Xử lý nước thải (m3)	1,440,000	1,059,182	1,301,465	122.9%	90.4%	
<b>2 Doanh thu</b>	<b>103,414,750,590</b>	<b>79,579,186,527</b>	<b>93,235,449,862</b>	<b>117.2%</b>	<b>90.2%</b>	<b>100.0%</b>
- Phí CSHT, thuê đất	34,193,486,590	30,075,677,859	37,315,739,066	124.1%	109.1%	40.0%
- Cấp nước sạch.	11,160,000,000	7,150,505,270	10,770,476,420	150.6%	96.5%	11.6%
- Phí xử lý nước thải.	8,691,264,000	7,761,448,729	13,499,816,765	173.9%	155.3%	14.5%
- Bất động sản đầu tư	3,400,000,000	3,313,853,914	3,560,531,002	107.4%	104.7%	3.8%
- Cư xa công nhân	470,000,000	436,457,933	421,409,561	96.6%	89.7%	0.5%
- Doanh thu xây dựng	10,000,000,000		3,978,952,560		39.8%	4.3%
- DT dự án 18ha	15,000,000,000				0.0%	0.0%
- Doanh thu than	1,000,000,000		1,756,615,050		175.7%	1.9%
- Thu gom rác thải	500,000,000		711,916,413		142.4%	0.8%
- Doanh thu khác	1,000,000,000	2,210,122,066	2,034,157,639	92.0%	203.4%	2.2%
- Doanh thu tài chính	12,000,000,000	27,398,201,390	14,479,944,353	52.8%	120.7%	15.5%
- Cổ tức đầu tư	4,500,000,000	178,875,444	3,934,696,000	2200%	87.4%	4.2%
- Thu nhập khác	1,500,000,000	1,232,919,366	771,195,033	62.6%	51.4%	0.8%

- Doanh thu phí hạ tầng và tiền thuê đất thực hiện năm 2010 : 37,3 tỷ đồng, vượt kế hoạch 9,1%, tăng hơn cùng kỳ 24,1%.

- Doanh thu cung cấp nước sạch đạt sản lượng 1.712.029 m<sup>3</sup>, tương đương 96,2% kế hoạch sản lượng. Doanh thu đạt 10,77 tỷ đồng bằng 96,5% kế hoạch doanh thu, tăng hơn cùng kỳ 50,6%.

- Trạm xử lý nước thải năm 2010 đã tiếp nhận khối lượng nước xử lý là 1.301.465 m<sup>3</sup>, tương đương mức doanh thu 13,4 tỷ đồng vượt 55,3% kế hoạch năm và tăng hơn cùng kỳ đến 73,9%.

- Doanh thu từ bất động sản đầu tư (Nhà kho Amarajo) với thời gian cho thuê cố định liên tục, khoản doanh thu vẫn ổn định đạt 3,5 tỷ đồng.

- Doanh thu than sản lượng thực hiện là 1.020 tấn tương đương 1,756 tỷ đồng, lãi 55 triệu đồng.

- Doanh thu thu gom rác thải với tổng doanh thu 711 triệu đồng, hiệu quả 161 triệu đồng.

- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cung cấp điện, tư vấn môi trường.... Doanh thu đạt 1,4 tỷ đồng vượt kế hoạch 40%, nhưng chỉ bằng 63,7% so với cùng kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 14,47 tỷ đồng, thu được từ sử dụng hiệu quả nguồn vốn lưu động nhân rồi qua đầu tư ngắn hạn.

- Thu nhập khác đạt 771 triệu đồng, chủ yếu là khoản thu lãi chậm trả phí hạ tầng và tiền thuê đất.

**\* Chi tiết chi phí thực hiện năm 2010:**

TT	Nội dung	Kế hoạch 2010	TH năm 2009	Thực hiện năm 2010	Năm 2010 so		Tỷ trọng
					2009	KH	
1	Chi phí khấu hao	12,009,675,859	17,093,511,568	15,413,446,782	90.2%	128.3%	30.3%
2	CP phân bổ tiền đền bù	1,200,000,000	1,641,021,550	1,639,521,552	99.9%	136.6%	3.2%
3	Chi phí điện	2,902,640,000	2,500,650,070	2,822,554,970	112.9%	97.2%	5.5%
4	Chi phí cấp nước	6,960,000,000	5,150,557,101	6,515,174,800	126.5%	93.6%	12.8%
5	Hoá chất XL nước thải	1,360,000,000	1,053,953,413	1,615,638,076	153.3%	118.8%	3.2%
6	Sửa chữa máy móc	550,000,000	287,592,479	584,332,142	203.2%	106.2%	1.1%
7	Nhân công thuê ngoài	860,000,000	964,006,687	1,082,644,027	112.3%	125.9%	2.1%
8	Phí dịch vụ thuê ngoài	650,000,000	800,617,017	691,725,024	86.4%	106.4%	1.4%
9	Tiền thuê đất	314,429,941	356,298,165	435,995,314	122.4%	138.7%	0.9%
10	Giá vốn xây lắp, thi công	9,000,000,000		3,579,145,891		39.8%	7.0%
11	Giá vốn khu dân cư 18ha	11,200,000,000		-		0.0%	0.0%
12	Giá vốn KD than	970,000,000		1,704,271,063		175.7%	3.3%
13	Giá vốn thu gom rác thải	410,000,000		625,760,000		152.6%	1.2%
14	Chi phí khác	300,000,000	855,140,535	343,175,320	40.1%	114.4%	0.7%
15	Thù lao HĐQT & BKS	360,000,000	360,000,000	360,000,000	100.0%	100.0%	0.7%
16	Chi phí lãi vay	4,180,133,733	5,135,978,624	3,622,609,295	70.5%	86.7%	7.1%
17	Chi phí quản lý	9,399,017,660	8,409,446,845	9,842,768,829	117.0%	104.7%	19.3%
	<b>Cộng</b>	<b>62,625,897,193</b>	<b>44,608,774,055</b>	<b>50,878,763,086</b>	<b>114.1%</b>	<b>81.2%</b>	<b>100.0%</b>

• **Chi tiết chi phí theo giá vốn:**

TT	Diễn giải	KH năm 2010	TH năm 2009	Thực hiện năm 2010	2010 so	
					2009	KH
<b>1</b>	<b>Giá vốn thuê CSHT</b>	<b>13,121,288,353</b>	<b>18,092,146,658</b>	<b>16,780,218,507</b>	<b>92.7%</b>	<b>127.9%</b>
-	Chi phí thuê đất	314,429,941	356,298,162	435,995,314	122.4%	138.7%
-	Khấu hao TSCĐ	8,826,858,412	13,055,145,118	11,618,585,801	89.0%	131.6%
-	Chi phí phân bổ	1,000,000,000	1,641,021,547	1,639,521,552	99.9%	164.0%
-	Chi phí điện đèn đường	420,000,000	412,934,870	528,240,843	127.9%	125.8%
-	Chi phí điện cho thuê	1,360,000,000	1,284,485,195	1,302,318,584	101.4%	95.8%
-	Chi phí chăm sóc cây xanh	1,000,000,000	1,114,123,971	1,099,085,125	98.7%	109.9%
-	Duy tu, bảo dưỡng	200,000,000	228,137,795	156,471,288	68.6%	78.2%
<b>2</b>	<b>Giá vốn cấp nước</b>	<b>8,413,716,404</b>	<b>7,198,387,280</b>	<b>8,349,561,237</b>	<b>116.0%</b>	<b>99.2%</b>
-	Giá vốn nước cấp	6,960,000,000	5,150,557,101	6,515,174,800	126.5%	93.6%
-	Khấu hao TSCĐ	924,076,404	1,575,205,678	1,109,529,469	70.4%	120.1%
-	Điện vận hành	279,640,000	261,546,090	279,603,547	106.9%	100.0%
-	Chi phí sửa chữa	250,000,000	211,078,411	445,253,421	210.9%	178.1%
<b>3</b>	<b>Giá vốn XLNT</b>	<b>4,475,397,172</b>	<b>3,620,193,953</b>	<b>4,342,618,474</b>	<b>120.0%</b>	<b>97.0%</b>
-	Khấu hao TSCĐ	1,615,397,172	1,383,501,670	1,791,162,035	129.5%	110.9%
-	Chi phí hoá chất	1,360,000,000	1,053,953,413	1,201,353,531	114.0%	88.3%
-	Chi phí điện	650,000,000	345,149,335	586,163,000	169.8%	90.2%
-	Chi phí vật dụng, sửa chữa	250,000,000	110,554,131	154,389,945	139.7%	61.8%
-	Chi phí khác + bùn	600,000,000	727,035,404	609,549,963	83.8%	101.6%
<b>4</b>	<b>Giá vốn khu cư xá</b>	<b>376,603,716</b>	<b>441,521,235</b>	<b>404,737,190</b>	<b>91.7%</b>	<b>107.5%</b>
-	Khấu hao TSCĐ	124,603,716	213,606,372	249,207,444	116.7%	200.0%
-	Chi phí điện	216,000,000	196,534,580	141,251,505	71.9%	65.4%
-	Chi phí sửa chữa	36,000,000	31,380,283	14,278,241	45.5%	39.7%
<b>5</b>	<b>Giá vốn dịch vụ xây dựng</b>	<b>9,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>3,579,145,891</b>		<b>39.8%</b>
-	Chi phí vật tư, vật liệu	6,200,000,000		2,656,761,695		42.9%
-	Thuê máy móc thi công	2,500,000,000		829,412,060		33.2%
-	Chi phí khác	300,000,000		92,972,136		31.0%
<b>6</b>	<b>Giá vốn KD khu 18ha</b>	<b>11,200,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
-	Giá vốn kết chuyển	11,200,000,000				
<b>7</b>	<b>Giá vốn kinh doanh than</b>	<b>970,000,000</b>		<b>1,704,271,063</b>		
<b>8</b>	<b>Giá vốn kinh doanh than</b>	<b>410,000,000</b>		<b>665,964,414</b>		
<b>9</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>4,180,133,733</b>	<b>5,135,978,624</b>	<b>3,622,609,295</b>	<b>70.5%</b>	<b>86.7%</b>
-	Lãi vay ngân hàng	4,180,133,733	5,135,978,624	3,622,609,295	70.5%	86.7%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>52,147,139,378</b>	<b>34,488,227,750</b>	<b>39,449,126,071</b>	<b>114.4%</b>	<b>75.6%</b>

• **Chi tiết chi phí quản lý :**

TT	Diễn giải	Kế hoạch 2010	Thực hiện năm 2009	Thực hiện năm 2010	So sánh	
					2009	KH
<b>1</b>	<b>Chi phí lương QL</b>	<b>5,077,800,000</b>	<b>4,490,998,658</b>	<b>5,805,743,211</b>	<b>129.3%</b>	<b>114.3%</b>
-	Chi phí lương QL	5,077,800,000	4,490,998,658	5,805,743,211	129.3%	114.3%
<b>2</b>	<b>Văn phòng phẩm</b>	<b>72,000,000</b>	<b>70,368,530</b>	<b>61,385,105</b>	<b>87.2%</b>	<b>85.3%</b>
<b>3</b>	<b>CCDC thiết bị văn phòng</b>	<b>250,000,000</b>	<b>249,750,616</b>	<b>188,904,939</b>	<b>75.6%</b>	<b>75.6%</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí khấu hao TSCĐ :</b>	<b>518,740,155</b>	<b>566,052,730</b>	<b>644,962,033</b>	<b>113.9%</b>	<b>124.3%</b>
<b>5</b>	<b>Thuế, phí và lệ phí :</b>	<b>15,000,000</b>	<b>17,319,030</b>	<b>30,673,795</b>	<b>177.1%</b>	<b>204.5%</b>
<b>6</b>	<b>CP Phân bổ chi phí LTTM</b>	<b>2,540,217,660</b>	<b>2,540,217,660</b>	<b>2,540,217,659</b>	<b>100.0%</b>	<b>100.0%</b>

TT	Diễn giải	Kế hoạch 2010	Thực hiện năm 2009	Thực hiện năm 2010	So sánh	
					2009	KH
<b>7</b>	<b>Chi phí dịch vụ mua ngoài</b>	<b>170,000,000</b>	<b>226,283,222</b>	<b>182,214,932</b>	<b>80.5%</b>	<b>107.2%</b>
*	Cước điện thoại	50,000,000	45,076,583	47,072,175	104.4%	94.1%
*	Nước uống	15,000,000	9,820,528	9,032,637	92.0%	60.2%
*	Công quét dọn, vệ sinh	40,000,000	22,000,000	16,200,000	73.6%	40.5%
*	Chi phí kho Armajaro, DV k	65,000,000	149,386,111	109,910,120	73.6%	169.1%
<b>8</b>	<b>Chi phí bằng tiền khác :</b>	<b>1,175,000,000</b>	<b>1,130,829,916</b>	<b>1,272,360,021</b>	<b>112.5%</b>	<b>108.3%</b>
*	Chi phí công tác xăng xe	280,000,000	262,759,919	392,935,737	149.5%	140.3%
*	Tiếp khách	150,000,000	112,396,986	101,448,216	90.3%	67.6%
*	Chi phí đào tạo	100,000,000	100,804,000	117,394,200	116.5%	117.4%
*	Chi phí sửa chữa	120,000,000	90,037,565	156,515,901	173.8%	130.4%
*	Phí chuyển tiền ngân hàng	25,000,000	19,183,810	33,530,778	174.8%	134.1%
*	Chi phí hội nghị KH	150,000,000	152,320,944	100,446,485	65.9%	67.0%
*	Chi phí khác bằng tiền	350,000,000	393,326,692	370,088,704	94.1%	105.7%
	<b>Cộng</b>	<b>9,818,757,815</b>	<b>9,291,820,362</b>	<b>10,726,461,695</b>	<b>115.4%</b>	<b>109.2%</b>

\*

### Tình hình thực hiện chi phí :

Thực hiện chủ trương tiết kiệm, đồng thời để nâng cao hiệu quả kinh doanh, ngay từ đầu khi thực hiện năm tài chính Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hành triệt để tiết kiệm, quản lý chặt các khoản chi phí đầu vào, tiến hành lập định mức chi phí cho các bộ phận, các phần hành, lập định mức tiêu hao hóa chất xử lý nước thải, định mức sử dụng nhiên liệu, định mức chi phí điện thoại, văn phòng phẩm ....

Nhìn chung, toàn bộ các khoản mục chi phí năm 2010 đều được duy trì ổn định, các khoản mục chi phí quản lý chỉ chiếm tỷ lệ 19,4% trong tổng chi phí, so với năm 2009 tỷ trọng này tăng 1,4% (2009 là 18,8%). Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ chi phí đền bù giải tỏa là các khoản chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng chi phí.

### 3. Công tác quản lý :

Cơ cấu tổ chức, nhân sự được sắp xếp hợp lý, hoạt động ổn định và đạt hiệu quả.

Công tác chỉnh trang, vệ sinh luôn được chú trọng để thể hiện bộ mặt toàn khu công nghiệp được khang trang, sạch đẹp, hoàn chỉnh hơn. Đảm bảo công tác quản lý môi trường trong toàn khu công nghiệp, duy trì chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh thường xuyên, theo dõi vận hành trạm xử lý nước thải ổn định, đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường.

Kết hợp với Công an KCN và lực lượng bảo vệ của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tăng cường công tác tuần tra giám sát, giữ gìn an ninh trật tự không để xảy ra các vụ gây mất trật tự an ninh trong khu công nghiệp.

Trong hoạt động quản lý, điều hành luôn tuân thủ điều lệ, các quy chế, Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ban hành

#### **4. Công tác đầu tư :**

Công ty đã chú trọng đầu tư hoàn thiện các hạng mục hạ tầng trong khu công nghiệp, đáp ứng nhu cầu phục vụ các dịch vụ, ngoài các hạng mục đã thực hiện xong đưa vào sử dụng trong năm.

#### **5. Công tác Nhân sự :**

**a. Nhân sự :** Năm 2010, tình hình nhân sự của công ty có biến động không nhiều, tổng số nhân sự trong toàn Công ty với số lượng là 71 người được sắp xếp, bố trí phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Với lực lượng lao động trẻ, năng động, tập thể CB.CNV Công ty đoàn kết, gắn bó thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn, tham gia tích cực các phong trào đoàn thể tại cơ quan và địa phương, đồng thời tham gia đóng góp tích cực trong các công tác xã hội tại địa phương.

**b. Đào tạo:** Trong năm qua Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho CB.CNV Công ty, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ được giao, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho CB, CNV tham gia .

**c. Tiền lương :** Đảm bảo thu nhập của người lao động tương xứng với kết quả lao động. Thu nhập bình quân 6.040.000đồng/người/tháng, tăng so với năm 2009 là 1.190.000đồng/người/tháng

## **Phần 2**

### **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011**

#### **I. NHẬN ĐỊNH CHUNG.**

Dự báo năm 2011 tiếp tục là một năm còn nhiều thử thách cho kinh tế Việt Nam, với những biến động khó lường của kinh tế thế giới, những diễn biến trái chiều của các dòng tiền mạnh, cùng những tiềm ẩn bất ổn vĩ mô trong nước, lạm phát sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những tháng đầu năm 2011, do ảnh hưởng kỳ của tính chu và sức ép của một loạt các yếu tố vẫn còn ở mức cao. Tình trạng lạm phát ở Việt Nam có tính cơ cấu, việc kiểm soát không dễ dàng nên tiếp tục đe dọa sự ổn định của kinh tế vĩ mô. Ngược lại, dòng vốn FPI vào Việt Nam sẽ được cải thiện nhờ định giá trên thị trường chứng khoán đang hấp dẫn, triển vọng

dài hạn của nền kinh tế và dòng vốn dồi dào tìm kiếm cơ hội tại các thị trường trong nước.

Với những nhận định và dự báo, năm 2011 Công ty sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động kinh doanh có hiệu quả, định hướng đúng đắn trong các công tác đầu tư, phát triển các dự án mới.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2011.

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản 2011.

Căn cứ vào các chỉ tiêu thực hiện năm 2010 và tình hình khai thác cơ sở hạ tầng tại KCN Tam Phước, Công ty xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2011 theo các chỉ tiêu cụ thể để phấn đấu thực hiện như sau:

Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	TH 2010	Kế hoạch 2011	So sánh 2011 với		Ghi chú
			Tỷ trọng	2010	
<b>1 Tổng doanh thu</b>	<b>93.235.449.862</b>	<b>127.810.751.150</b>	<b>100%</b>	<b>137,1%</b>	
* Doanh thu thuần	74.049.614.476	117.016.751.150	91,6%	158,0%	
* Doanh thu tài chính	14.479.944.353	3.000.000.000	2,3%	20,7%	
* Cổ tức đầu tư	3.934.696.000	6.894.000.000	5,4%	175,2%	
* Thu nhập khác	771.195.033	900.000.000	0,7%	116,7%	
<b>2 Tổng chi phí</b>	<b>50.878.763.086</b>	<b>87.649.586.400</b>	<b>100%</b>	<b>172,3%</b>	
* Giá vốn hàng bán	35.826.516.776	73.806.846.245	84,2%	206,0%	
* Chi phí tài chính	3.622.609.295	4.800.000.000	5,5%	132,5%	
* Chi phí quản lý	10.726.461.695	8.162.740.155	9,3%	76,1%	
* Chi phí khác	703.175.320	880.000.000	1,0%		
<b>3 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>42.356.686.776</b>	<b>40.161.164.750</b>		<b>94,8%</b>	
<b>4 Thuế TNDN</b>	<b>10.734.965.524</b>	<b>10.040.291.188</b>			
<b>5 Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>31.621.721.252</b>	<b>30.120.873.562</b>		<b>95,3%</b>	
<b>6 Chỉ tiêu tài chính</b>					
- LN sau thuế /D.thu	<b>33,92%</b>	<b>23,57%</b>		<b>69,5%</b>	
- LN sau thuế/ Vốn CSH	<b>9,7%</b>	<b>9,2%</b>		<b>95,3%</b>	
<b>8 Nộp ngân sách</b>	<b>15.829.765.524</b>	<b>17.165.941.080</b>		<b>108,4%</b>	
<b>9 Tổng số lao động</b>	<b>70</b>	<b>77</b>		<b>110,0%</b>	
<b>10 Thu nhập BQ/L.động</b>	<b>6.050.000</b>	<b>6.500.000</b>		<b>107,4%</b>	

#### a) Thực hiện kế hoạch các khoản doanh thu:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện BQ tháng	KH so 2010	tỷ trọng	Ghi chú
<b>* Doanh thu</b>	<b>93,235,449,862</b>	<b>127,810,751,150</b>	<b>10,650,895,929</b>	<b>137.1%</b>	<b>100.0%</b>	
- Phí CSHT, thuê đất	37,315,739,066	37,683,471,150	3,140,289,263	101.0%	29.5%	
- Cấp nước sạch.	10,770,476,420	11,700,000,000	975,000,000	108.6%	9.2%	
- Phí xử lý nước thải.	13,499,816,765	10,073,280,000	839,440,000	74.6%	7.9%	
- Bất động sản đầu tư	3,560,531,002	5,600,000,000	466,666,667	157.3%	4.4%	
- Cư xá, chợ tạm	421,409,561	400,000,000	33,333,333	94.9%	0.3%	
- Doanh thu xây dựng	3,978,952,560	10,000,000,000	833,333,333	251.3%	7.8%	
- DT dự án 18 ha		31,400,000,000	2,616,666,667		24.6%	
- DT KD than	1,756,615,050	6,960,000,000	580,000,000	396.2%	5.4%	
- DT thu gom rác thải	711,916,413	1,200,000,000	100,000,000	168.6%	0.9%	
- Doanh thu khác	2,034,157,639	2,000,000,000	166,666,667	98.3%	1.6%	
- Doanh thu tài chính	14,479,944,353	3,000,000,000	250,000,000	20.7%	2.3%	
- Cổ tức đầu tư	3,934,696,000	6,894,000,000	574,500,000	175.2%	5.4%	
- Thu nhập khác	771,195,033	900,000,000	75,000,000	116.7%	0.7%	

\*

**Doanh thu phí hạ tầng, thuê đất :**

Tổng phí hạ tầng, tiền thuê đất năm 2011 theo danh sách các nhà đầu tư đã ký hợp đồng, với doanh thu là: 1.838.218 USD (dự kiến tỷ giá là 20.500 USD) tương đương: 37.683.471.150 đồng

**\* Doanh thu cấp nước sạch.**

Diễn giải	Đơn giá (đ/m3)	Bình quân tháng		Thực hiện cả năm	
		K.Lượng (m3)	Doanh số (đồng)	K.Lượng (m3)	Doanh số (đồng)
- Cấp nước máy	6,500	150,000	975,000,000	1,800,000	11,700,000,000
<b>Tổng Cộng</b>		<b>150,000</b>	<b>975,000,000</b>	<b>1,800,000</b>	<b>11,700,000,000</b>

\*

**Doanh thu phí xử lý nước thải:**

TT	Diễn giải	Khối lượng (m3)		Giá trị (USD)	
		BQ tháng	Cả năm	BQ tháng	Cả năm
1	Khối lượng cấp nước	150,000	1,800,000		
2	Khối lượng xử lý nước thải (= 80% nước cấp, Giá 0,316	120,000	1,440,000	37,920.0	455,040.0
3	Quy đổi tiền VND	20,500		777,360,000	9,328,320,000

**b) Thực hiện kế hoạch chi phí năm 2011.****\* Phân loại chi phí theo khoản mục.**

TT	Nội Dung	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011		KH/2010	Tỷ trọng
			Tổng số	BQ tháng		
1	Chi phí khấu hao	15,413,446,782	14,080,602,792	1,173,383,566	91.4%	16.1%
2	Chi phí phân bổ tiền đền bù	1,639,521,552	1,640,000,000	136,666,667	100.0%	1.9%
3	Chi phí điện	2,822,554,970	2,954,640,000	246,220,000	104.7%	3.4%
4	Chi phí cấp nước	6,515,174,800	6,264,000,000	522,000,000	96.1%	7.1%
5	Hóa chất xử lý nước thải	1,615,638,076	1,800,000,000	150,000,000	111.4%	2.1%
6	Chi phí sửa chữa	584,332,142	557,576,296	46,464,691	95.4%	0.6%
7	Nhân công thuê ngoài	1,082,644,027	960,000,000	80,000,000	88.7%	1.1%
8	Phí dịch vụ thuê ngoài	691,725,024	850,000,000	70,833,333	122.9%	1.0%
9	Tiền thuê đất	435,995,314	435,995,316	36,332,943	100.0%	0.5%
10	Giá vốn xây lắp, thi công	3,579,145,891	9,000,000,000	750,000,000	251.5%	10.3%
11	Giá vốn khu dân cư 18 ha	-	28,281,171,996	2,356,764,333		32.3%
12	Giá vốn KD Than	1,704,271,063	6,681,600,000	556,800,000	392.1%	7.6%
13	Giá vốn thu gom rác thải	625,760,000	960,000,000	80,000,000	153.4%	1.1%
14	Chi phí khác	343,175,320	300,000,000	25,000,000	87.4%	0.3%
15	Thủ lao HĐQT & BKS	360,000,000	580,000,000	48,333,333	161.1%	0.7%
16	Chi phí lãi vay	3,622,609,295	4,800,000,000	400,000,000	132.5%	5.5%
17	Chi phí qu?n lý	9,842,768,829	7,504,000,000	625,333,333	76.2%	8.6%
	<b>Cộng</b>	<b>50,878,763,086</b>	<b>87,649,586,400</b>	<b>7,304,132,200</b>	<b>172.3%</b>	<b>100.0%</b>

**\* Chi phí quản lý**

TT	Diễn giải	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch 2011		KH so 2010	T? tr?ng
			Cả năm	BQ tháng		
1	Chi phí lương QL	5,805,743,211	6,024,000,000	502,000,000	103.8%	73.8%
2	Văn phòng phẩm	61,385,105	60,000,000	5,000,000	97.7%	0.7%
3	CCDC thiết bị văn phòng	188,904,939	200,000,000	16,666,667	105.9%	2.5%
4	Chi phí khấu hao TSCĐ :	644,962,033	518,740,155	43,228,346	80.4%	6.4%
5	Thuế, phí và lệ phí :	30,673,795	20,000,000	1,666,667	65.2%	0.2%
6	CP Phân bổ chi phí LTTM	2,540,217,659		-	0.0%	0.0%
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	182,214,932	145,000,000	12,083,333	79.6%	1.8%
*	Cước điện thoại	47,072,175	50,000,000	4,166,667	106.2%	0.6%
*	Nước uống	9,032,637	10,000,000	833,333	110.7%	0.1%
*	Công quét dọn vệ sinh	16,200,000	20,000,000	1,666,667	123.5%	0.2%
*	Chi phí kho Armajaro, DV khác	109,910,120	65,000,000	5,416,667	59.1%	0.8%
7	Chi phí bằng tiền khác :	1,272,360,021	1,195,000,000	99,583,333	93.9%	14.6%
*	Chi phí công tác xăng xe	392,935,737	350,000,000	29,166,667	89.1%	4.3%
*	Tiếp khách	101,448,216	100,000,000	8,333,333	98.6%	1.2%
*	Chi phí đào tạo	117,394,200	100,000,000	8,333,333	85.2%	1.2%
*	Chi phí sửa chữa	156,515,901	120,000,000	10,000,000	76.7%	1.5%
*	Phí chuyển tiền ngân hàng	33,530,778	25,000,000	2,083,333	74.6%	0.3%
*	Chi phí hội nghị KH	100,446,485	150,000,000	12,500,000	149.3%	1.8%
*	Chi phí khác bằng tiền	370,088,704	350,000,000	29,166,667	94.6%	4.3%
	<b>Cộng</b>	<b>10,726,461,695</b>	<b>8,162,740,155</b>	<b>680,228,346</b>	<b>76.1%</b>	<b>100%</b>

**\* Kế hoạch khấu hao TSCĐ :**

TT	TSCĐ sử dụng	Nguyên giá	Giá trị khấu hao bình quân tháng	Giá trị khấu hao năm 2011	Giá trị còn lại 31/12/2011
1	TSCĐ cuối 2010	132,957,612,373	1,037,561,806	12,450,741,676	80,169,068,844
-	Hệ thống CSHT	101,796,741,876	735,134,442	8,821,613,299	62,275,450,595
-	Hệ thống cấp nước	11,029,034,524	78,361,825	940,341,903	6,478,513,592
-	Khu cư xá CN	1,495,244,645	75,652,259	907,827,113	-
-	TSCĐ bộ phận QL	6,487,209,498	51,346,988	616,163,857	4,703,602,506
-	Hệ thống XLNT	12,149,381,830	97,066,292	1,164,795,504	6,711,502,151
2	TSCĐ tăng 2011	26,900,000,000	135,821,760	1,629,861,116	25,270,138,884
-	Hệ thống CSHT	13,500,000,000	46,875,000	562,500,000	12,937,500,000
-	Hệ thống XLNT	13,400,000,000	88,946,760	1,067,361,116	12,332,638,884
	<b>Cộng</b>	<b>159,857,612,373</b>	<b>1,173,383,566</b>	<b>14,080,602,792</b>	<b>105,439,207,728</b>
3	Giá trị hao mòn TSCĐ lũy kế:			54,418,404,645	

**d) Kế hoạch nộp ngân sách :**

Chỉ tiêu	Doanh thu	Thuế GTGT		Thuế TNDN		Tổng cộng
		%	Số tiền	%	Số tiền	
Phí CSHT, thuê đất	37,683,471,150	10%	3,768,347,115			3,768,347,115
Cấp nước sạch.	11,700,000,000	5%	585,000,000		-	585,000,000
Phí xử lý nước thải.	8,873,280,000	10%	887,328,000			887,328,000
Bất động sản đầu tư	5,600,000,000	10%	560,000,000			560,000,000
Dự án 18 ha	31,400,000,000	10%	3,140,000,000			3,140,000,000
Doanh thu xây dựng	10,000,000,000	10%	1,000,000,000		-	1,000,000,000
DT thu gom rác	1,200,000,000					-
Doanh thu khác	2,000,000,000	10%	200,000,000			200,000,000
-Thu nhập chịu thuế	40,161,164,750		-	25%	10,040,291,188	10,040,291,188
- Thuế tài nguyên						103,500,000
<b>Cộng</b>			<b>10,140,675,115</b>		<b>10,040,291,188</b>	<b>20,287,466,303</b>

### e) Kế hoạch định biên lao động:

TT	Diễn giải	Ước năm 2010		Kế hoạch 2011			So sánh 2011/2010	
		Số LĐ	Tổng quỹ lương	Số LĐ	Lương BQ tháng	Tổng quỹ lương	Số LĐ	C/lệch quỹ lương
1	Thu lao HĐQT & BKS	9	580.000.000	9	48.333.333	580.000.000	-	0
2	Ban Giám đốc	4	917.000.000	4	78.800.000	945.600.000	-	28.600.000
3	P.Kê toán - Tà vụ	4	415.000.000	4	38.500.000	462.000.000	-	47.000.000
4	P.Hành chính - Nhân sự	8	450.000.000	10	48.000.000	576.000.000	2	126.000.000
5	Tô bao vệ	21	1.096.000.000	23	116.000.000	1.392.000.000	2	296.000.000
6	Phòng Kinh doanh	7	482.000.000	7	50.000.000	600.000.000	-	118.000.000
7	Phòng Môi trường	16	982.000.000	18	103.200.000	1.238.400.000	2	256.400.000
8	Phòng hạ tầng	10	656.000.000	11	67.500.000	810.000.000	1	154.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>70</b>	<b>5.578.000.000</b>	<b>77</b>	<b>550.333.333</b>	<b>6.604.000.000</b>	<b>7</b>	<b>1.026.000.000</b>

### III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ.

Dự báo các dự án kinh doanh bất động sản sẽ gặp khó khăn chung, năm 2011, đơn vị lập kế hoạch thực hiện công tác hoàn tất các thủ tục pháp lý để chuẩn bị cho việc sẵn sàng triển khai đầu tư, xây dựng khi điều kiện thuận lợi.

+ Dự án khu dân cư Tam phước 18 ha: Thực hiện đầu tư cuốn chiếu theo từng phân khu, trong năm 2011 sẽ chào bán đợt 1 khoảng 10 -15 % diện tích đất kinh doanh.

+ Lập thủ tục đầu tư Trạm xử lý nước thải - GD3, phân kỳ 1 công suất 4.000m<sup>3</sup>/ngày, đảm đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

+ Tòa nhà Tài chính cho thuê: Hoàn thiện thủ tục đầu tư, kêu gọi, thu hút đầu tư, tìm hiểu khách hàng và ký biên bản ghi nhớ thuê văn phòng.

+ Lập thủ tục đầu tư để khai thác phần đất hai bên đầu tuyến đường số 3 hướng kết nối ra Ngã 3 Thái Lan.

+ Xem xét, quyết định đầu tư các dự án kinh doanh địa ốc và kinh doanh khu công nghiệp có triển vọng và hiệu quả cao.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Để đạt được các mục tiêu và kế hoạch định hướng phát triển bền vững. Công ty đề ra các giải pháp thực hiện như sau:

- Tiếp tục quản lý và nâng cao khả năng điều hành để khai thác hiệu quả các hoạt động đã đầu tư vào Khu công nghiệp Tam Phước.

- Thực hiện tốt cung cấp các dịch vụ và cho thuê nhà xưởng, hạ tầng, kho bãi hiện có.

- Tăng cường công tác giám sát đôn đốc chặt chẽ các nhà đầu tư triển khai dự án thực hiện theo đúng quy định của KCN về xây dựng và đầu tư.

- Đảm bảo an ninh, trật tự phòng chống cháy nổ cho các khách hàng trong và ngoài khu công nghiệp.

- Thực hiện chăm sóc cây xanh, cây cảnh, giữ vệ sinh các tuyến đường giao thông sạch đẹp. Quản lý, vận hành Trạm xử lý chất thải đảm bảo môi trường.

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao tuổi thọ các phương tiện, máy móc thiết bị, tài sản, công trình, vật kiến trúc v.v...
- Sử dụng nguồn vốn lưu động nhân rồi có hiệu quả, đồng thời áp dụng giải pháp để đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất và đầu tư.
- Đảm bảo thu nhập của người lao động tương xứng với kết quả lao động, để người lao động yên tâm công tác trong môi trường làm việc, công bằng và có tính cạnh tranh.
- Hoàn thiện thủ tục niêm yết chứng khoán tại Sàn HOSE đúng quy định.
- Duy trì áp dụng và thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004.
- Phát huy tốt mối quan hệ với các khách hàng sẵn có và luôn thể hiện đồng hành cùng với khách hàng.
- Phân công, nhiệm vụ cho từng phòng, ban, tổ, đội, các bộ phận và cá nhân phụ trách tổ chức, thực hiện công việc liên quan để thực hiện kế hoạch năm 2011.
- Tiếp tục đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ để phục vụ nhu cầu phát triển của đơn vị.

## **VI. ĐÁNH GIÁ - KIẾN NGHỊ.**

Năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa đã hoàn thành kế hoạch và thu được kết quả khả quan. Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao góp phần mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Công ty đánh giá cao các đóng góp của tập thể CBCNV trong đơn vị và các cá nhân, tập thể, các cổ đông có những sáng kiến, góp ý thiết thực giúp Công ty phát triển.

Năm 2011, Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các cổ đông, các cá nhân, tập thể đóng góp cho sự hoạt động của Công ty vượt qua được những khó khăn, duy trì được hiệu quả hoạt động SXKD đảm bảo được lợi ích của các cổ đông trong Công ty.

*Nơi gửi :*

- Các cổ đông (B/cáo)
- Hội đồng Quản trị (B/cáo)
- Các phòng, ban Công ty (Th/hiện);
- Lưu VP.



Biên Hòa, ngày 26 tháng 03 năm 2011

Số : ...../BC.BKS

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT THẨM ĐỊNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2010  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TÍN NGHĨA**

Kính gửi: - **Quý cổ đông Công ty**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo điều lệ của Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa,
  - Căn cứ báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam,
  - Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2010.
- Ban Kiểm soát của Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2010 như sau:

**I. Nội dung hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các qui định về Luật Doanh nghiệp; điều lệ tổ chức, hoạt động; nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT), kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các qui định của Công ty và sự phù hợp với qui định của pháp luật và điều lệ công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các hoạt động trọng yếu như đầu tư, mua sắm trang thiết bị, tài sản, hóa chất nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, nêu kiến nghị và đề xuất giải pháp.
- Kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của số liệu kế toán.
- Xem xét các hợp đồng kinh tế.
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2010

**II. Kết quả giám sát hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc:**

- HĐQT, Ban Giám đốc đã tuân thủ qui định pháp luật trong công tác quản trị, điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo qui định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm 2010, HĐQT đã tổ chức 6 phiên họp tập trung. Các cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty, qui chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.
- Các biên bản họp của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010.
- Công ty nghiêm túc chấp hành qui định của Sở Giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với Công ty cổ phần đại chúng. Dự kiến khoảng tháng 6/2011 Công ty sẽ niêm yết cổ phiếu tại Sàn TP.HCM.
- Các hợp đồng kinh tế trong năm được ký kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông.

### **III. Kết quả kiểm soát hoạt động kinh doanh và đầu tư:**

- **Hoạt động kinh doanh:** Trong năm 2010, đơn vị phát triển thêm hoạt động kinh doanh than cám, cùng với các dịch vụ thu gom rác thải và xây dựng hạ tầng thực hiện từ cuối năm 2009 góp phần làm tăng doanh thu so với năm trước. Nhìn chung các hoạt động kinh doanh truyền thống cũng như các hoạt động mới triển khai đều có bước tăng trưởng, trừ dự án khu dân cư 18 ha. Dự án này chưa được triển khai trong năm 2010 do phải điều chỉnh qui hoạch cục bộ, hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư và do tình hình bất động sản chưa có tín hiệu khả quan.

#### **- Hoạt động đầu tư:**

+ **Đầu tư tài chính:** Trong năm 2010 Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng lại cổ phần Công ty Tín Khai, đầu tư thêm 40 tỉ đồng. Hiện Công ty nắm giữ cổ phần chi phối với 60% vốn cổ phần Công ty Tín Khai. Ngoài ra, Công ty đầu tư tăng vốn theo lộ trình thêm 77,306 tỉ đồng tại Ngân hàng TMCP Đại Á.

Tổng vốn đầu tư của Công ty đến ngày 31/12/2010 là 186.460.040.000 đồng, trong đó vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Đại Á 115.015.040.000 đồng, vốn đầu tư tại Công ty CP Tín Khai 60 tỉ đồng, vốn đầu tư tại Công ty CP BĐS Thống Nhất 11,445 tỉ đồng (mức đầu tư tại Công ty CP BĐS Thống Nhất không biến động so với năm trước).

+ **Đầu tư tài sản cố định:** Trong năm 2010, Công ty đã đầu tư trang bị thêm các tài sản cố định phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Tổng giá trị đầu tư 3.319.479.410 đồng, trong đó:

- Giá trị đầu tư cho bất động sản, nhà cửa vật kiến trúc là 1.127.569.812 đồng;
- Giá trị đầu tư cho thiết bị trạm xử lý nước thải là 1.146.570.143 đồng,
- Trang bị các thiết bị và dụng cụ quản lý 1.045.339.455 đồng.

Nhìn chung, phần lớn các hạng mục đầu tư được thực hiện đúng và đầy đủ các qui trình, thủ tục theo Qui chế tài chính về đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, trang bị tài sản cố định.

### **IV. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010:**

1. Theo các báo cáo tài chính định kỳ và báo cáo kiểm toán năm 2010 được đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH BDO kiểm toán, Ban Kiểm soát nhận xét tình hình tài chính của Công ty lành mạnh. Các chỉ số cơ bản về công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, vốn

chủ sở hữu đều đạt chuẩn an toàn. Các khoản đầu tư và dự phòng đầu tư tài chính được quản lý và trích lập đầy đủ.

2. Theo báo cáo tài chính năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO, báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2010, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2010 tiếp tục giữ vững sự ổn định mặc dù có sự ảnh hưởng từ nền kinh tế chung. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010 chỉ ra rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tăng trưởng so với năm trước. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu duy trì ở mức rất thấp. Trong bối cảnh lãi suất tăng cao, tín dụng thắt chặt như hiện nay, điều này là phù hợp nhằm đảm bảo an toàn vốn để phát triển các hoạt động kinh doanh và đầu tư.

## V. Tuân thủ luật pháp

Các hoạt động của Công ty đều phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điều lệ Công ty và tuân thủ qui định của pháp luật Việt Nam. Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các qui định, tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động; thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn đối với các ngân hàng.

## VI. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010

Công ty CP PT KCN Tín Nghĩa là doanh nghiệp có hoạt động chính là đầu tư, cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ xử lý nước thải. Phần lớn doanh nghiệp thuê đất và cơ sở hạ tầng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2010, nền kinh tế thế giới và các nước trong khu vực vẫn chưa thật sự thoát khỏi khủng hoảng, ảnh hưởng phần nào đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khách hàng. Tất nhiên, cũng ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của đơn vị, thể hiện rõ nét là tình hình chậm thanh toán phí hạ tầng. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, HĐQT và Ban điều hành vẫn bám sát và triển khai tốt các nội dung trong nghị quyết cũng như các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua. Đơn vị vẫn đạt kết quả kinh doanh ở mức cao, tăng trưởng so với năm trước và vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đầu năm 2010. Một số chỉ tiêu thể hiện tỉ lệ tăng trưởng so năm trước và so kế hoạch như sau

Chỉ tiêu	Năm 2009 (đ)	Kế hoạch 2010 (đ)	Thực hiện 2010 (đ)	2010/2009	TH 2010 so KH
Doanh thu và thu nhập khác	79.758.061.971	103.414.750.590	93.235.449.862	116,9%	90,2%
Lợi nhuận sau thuế	28.938.352.531	30.591.640.048	31.620.305.181	109,3%	103,4%
Nộp Ngân sách	16098191014	18.160.188.408	16.234.751.657	100,8%	89,4%

Thu nhập bình quân CBCNV	4.850.000	5.962.500	6.175.244	127,3%	103,6%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16,7%	17,6%	18,2%	109,0%	103,4%

Các kết quả trên cho thấy nỗ lực và công sức đóng góp to lớn của HĐQT, Ban điều hành và tập thể CBNCV trong năm 2010.

## VII. Đề xuất:

○ Tình hình kinh tế trong nước năm 2011 được dự báo vẫn tiếp tục khó khăn. Các chi phí thiết yếu đầu vào như điện, xăng dầu tăng ngay trong quý I/2011 làm tăng chi phí của các doanh nghiệp. Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khách hàng trong KCN sẽ khó khăn hơn. Vì vậy, tiến độ thu tiền sử dụng hạ tầng của Công ty phần nào cũng sẽ bị ảnh hưởng. Mặt khác, hiện vẫn còn một số doanh nghiệp chưa thanh toán hết tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng năm 2010. Đề nghị Công ty phối hợp nhiều biện pháp đôn đốc các doanh nghiệp sớm thanh toán hết phí sử dụng hạ tầng năm 2010, thanh toán đúng tiến độ phí hạ tầng năm 2011 nhằm khai thác tối đa dòng tiền, đẩy mạnh việc lưu chuyển dòng tiền phục vụ cho hoạt động kinh doanh và đầu tư trong năm 2011.

○ Đề nghị đơn vị xúc tiến, triển khai nhanh các thủ tục đầu tư Dự án khu dân cư và tái định cư 18 ha để sớm đưa dự án vào kinh doanh cũng như thi công hạ tầng.

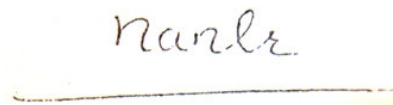
Trên đây là những ý kiến của Ban Kiểm soát về quá trình hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty CP PT KCN Tín Nghĩa trong năm tài chính 2010.

Chúng tôi cảm ơn các cổ đông đã ủng hộ và tin tưởng bầu chọn chúng tôi tham gia Ban Kiểm soát năm 2010.

Chúng tôi chân thành cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc, phòng Kế toán tài vụ, phòng Hành chính nhân sự của Công ty đã hỗ trợ, tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ năm 2010.

Trân trọng.

**Thay mặt Ban Kiểm soát  
Trưởng ban**



**Nguyễn Thị Ngọc Dung**

Số: 01./TT.HĐQT

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2011.

## **TỜ TRÌNH**

V/v phân phối lợi nhuận năm 2010

Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005.
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán do Công ty TNHH BDO Việt Nam thực hiện.

Hội đồng Quản trị trình Đại hội về việc phân phối lợi nhuận năm 2010, Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa như sau:

TT	Diễn giải	Kế hoạch 2010		Thực hiện 2010		TH/KH
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	
*	<b>Tổng lợi nhuận phân phối</b>		<b>30,591,640,048</b>		<b>31,620,305,181</b>	<b>103.36 %</b>
1	Quỹ đầu tư phát triển	10.0%	3,059,164,005	8.0%	2,529,624,414	82.69%
2	Quỹ dự phòng tài chính	5.0%	1,529,582,002	5.0%	1,581,015,259	103.36%
3	Quỹ khen thưởng	2.0%	611,832,801	2.0%	632,406,104	103.36%
4	Quỹ phúc lợi	1.0%	305,916,400	1.0%	316,203,052	103.36%
5	Quỹ thưởng Ban điều hành	0.7%	200,000,000	0.6%	200,000,000	100.00%
6	Quỹ dự trữ vốn điều lệ			1.0%	316,203,052	
7	Quỹ chia cổ tức. Trong đó:	81.3%	24,885,144,839	82.4%	26,044,853,300	104.66%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>		<b>100%</b>	<b>31,620,305,181</b>	<b>15.02</b>

Đề nghị Đại hội phê chuẩn ủy quyền cho HĐQT quyết định chi cho cổ đông trong tháng 4/2010.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Cao Ngọc Đức**

Số: 02./TT.HĐQT

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2011.

## **TỜ TRÌNH**

V/v Phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch và phân phối lợi nhuận năm 2011  
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005.

Căn cứ vào Điều lệ Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa.

Căn cứ báo cáo kế hoạch hoạt động kinh doanh 2011 của Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa.

Hội đồng Quản trị trình Đại hội phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh 2011 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

### **1) Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2011.**

- Doanh thu hoạt động: 127,8 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 40,16 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản cổ phần: 17,4%.
- Chia cổ tức: từ 15% trở lên.

### **2) Dự kiến phân phối lợi nhuận 2011.**

TT	Diễn giải	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)	Ghi chú
*	<b>Tổng lợi nhuận phân phối</b>		<b>30,120,873,562</b>	
1	Quỹ đầu tư phát triển	5.0%	1,506,043,678	
2	Quỹ dự phòng tài chính	5.0%	1,506,043,678	
3	Quỹ khen thưởng	2.0%	602,417,471	
4	Quỹ phúc lợi	1.0%	301,208,736	
5	Quỹ thưởng Ban điều hành	0.7%	200,000,000	
6	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	1.0%	301,208,736	
7	Quỹ chia cổ tức. (15%/năm)	85.3%	25,703,951,263	14.8%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100.0%</b>	<b>30,120,873,562</b>	

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và biểu quyết, quyết định.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



Số : 03./TT.BKS

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2011.

## **TỜ TRÌNH**

V/v Trích Quỹ thưởng Ban Quản trị Điều hành năm 2011  
Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp Tín Nghĩa

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2011

Nhằm động viên, khuyến khích Ban Quản Trị Điều Hành Công ty nỗ lực, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch các chỉ tiêu đề ra, đem lại lợi ích cho các cổ đông năm 2011 và các năm sau. Hội đồng Quản trị trình đại hội dự kiến trích Quỹ thưởng cho Ban Quản Trị Điều hành công ty như sau:

**\* Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2011.**

- Doanh thu hoạt động: 127,8 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 40,2 tỷ đồng.

Nếu vượt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế thì được trích Quỹ thưởng Ban Điều Hành với mức bằng 30% của phần chênh lệch vượt kế hoạch, nhưng không quá 500.000.000 đồng/năm.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và biểu quyết, quyết định.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



Số : ... ../TT.BKS

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2011.

## **TỜ TRÌNH**

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011

Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa.

Để chuẩn bị cho việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2011. Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định chọn các công ty kiểm toán độc lập có năng lực tốt và được UBCKNN chấp thuận cho phép kiểm toán các công ty niêm yết như sau :

1. Công ty TNHH BDO Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (A&C).
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán (AAC).
4. Công ty Ernst & Young Vietnam.
5. Công ty KPMG.

Đề nghị Đại hội, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán trong số các công ty kiểm toán trên, là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

Số : 04./TT.BKS

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2011.

## **TỜ TRÌNH**

V/v Sửa đổi bổ sung điều lệ cho phù hợp  
với điều lệ mẫu áp dụng cho công ty niêm yết

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2005.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa.

Căn cứ điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở GDCK ban hành kèm theo quyết định số 15/2007/QĐ-BTC, ngày 19 tháng 3 năm 2007 của bộ trưởng bộ tài chính;

Để chuẩn bị cho công tác lập hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sàn Giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, Hội đồng quản trị trình đến Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi, bổ sung đối với điều lệ hiện hành của công ty cho phù hợp với điều lệ mẫu.

Đề nghị cổ đông tham chiếu toàn văn điều lệ sau khi đã sửa đổi bổ sung với điều lệ cũ kèm theo hoặc trên website: [www.tinnghiaip.com.vn](http://www.tinnghiaip.com.vn)

Kính trình đại hội xem xét, biểu quyết phê chuẩn ủy quyền giao cho hội đồng quản trị chỉnh sửa, bổ sung ban hành làm căn cứ thực hiện

Trân trọng.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

